**Mẫu số 04. Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

|  |  |
| --- | --- |
| ….(1)…  ….(2)…..  \_\_\_\_\_\_  Số: …./…-ĐKHĐ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *…., ngày ... tháng... năm 20......* |

Kính gửi:....(3).....

1. Tên cơ sở đăng ký: (2)……

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính: (4)…….

- Số điện thoại: , Fax:

- Website: , Email:

- Địa chỉ phân hiệu, địa điểm đào tạo khác (nếu có): (4)

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

4. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

5. Nội dung đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên ngành, nghề đào tạo** | | **Mã ngành, nghề** | | **Quy mô tuyển sinh/năm** | | **Trình độ đào tạo** |
| **I** | **Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)** | |  | |  | |  |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) | |  | |  | |  |
| Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) | |  | |  | |  |
| Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) | |  | |  | |  |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) |  | |  | |  | |
| Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) |  | |  | |  | |
| Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) |  | |  | |  | |
| **...** | **...** |  | |  | |  | |
| **II** | **Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)** |  | |  | |  | |
| **1** | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) |  | |  | |  | |
| Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) |  | |  | |  | |
| Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) |  | |  | |  | |
| **2** | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) |  | |  | |  | |
| Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) |  | |  | |  | |
| Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) |  | |  | |  | |
| **...** | **...** |  | |  | |  | |
| **[...]** | **Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất** |  | |  | |  | |
|  |  |  | |  | |  | |
|  |  |  | |  | |  | |
| **[...]** | **Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...** |  | |  | |  | |
|  |  |  | |  | |  | |
|  |  |  | |  | |  | |

b) Tại phân hiệu, địa điểm đào tạo (nếu có*):..* (4)

(báo cáo theo từng phân hiệu, địa điểm đào tạo)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên ngành, nghề đào tạo** | **Mã ngành, nghề** | **Quy mô tuyển sinh/năm** | | **Trình độ đào tạo** | |
| **I** | **Tên nhóm ngành, nghề thứ nhất (ghi theo mã cấp III)** |  |  | |  | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) |  |  | |  | |
| Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) |  |  | |  | |
| Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) |  |  | |  | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) |  |  | |  | |
| Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) |  |  | |  | |
| Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) |  |  | |  | |
| ….. | …. |  |  | |  | |
| **II** | **Tên nhóm ngành, nghề thứ hai (ghi theo mã cấp III)** |  |  | |  | |
| 1 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) |  |  | |  | |
| Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) |  |  | |  | |
| Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) |  |  | |  | |
| 2 | Tên ngành, nghề trình độ cao đẳng (ghi theo mã cấp IV) |  |  | |  | |
| Tên ngành, nghề trình độ trung cấp (ghi theo mã cấp IV) |  |  | |  | |
| Tên nghề trình độ sơ cấp (có cùng tên gọi với ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp) |  |  | |  | |
| ... | ... |  |  | |  | |
| **[...]** | **Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ nhất** |  | |  | |  |
|  |  |  | |  | |  |
|  |  |  | |  | |  |
|  |  |  | |  | |  |
|  |  |  | |  | |  |
| **[...]** | **Tên nhóm nghề đào tạo sơ cấp thứ...** |  | |  | |  |
|  |  |  | |  | |  |
|  |  |  | |  | |  |
|  |  |  | |  | |  |
|  |  |  | |  | |  |

6. (2) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - ….  - …. | **(5)**  *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố.

(5) Chức danh người đứng đầu cơ sở đăng ký hoạt động giá